ĐỀ KIỂM TRA : Phương trình lượng giác lần 1

Thời gian làm bài : 90 phút

Nội dung đề số : 159

1). Giải phương trình | sinx - cosx| + 4sin2x = 1.

A). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi$

B). $x = \frac{k\pi}{2}$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi$

D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \pi + k2\pi$

2). Tìm m để phương trình $\sin^2 x$ - 6sinx.cosx + (1- m)$\cos^2 x$ = 0 có nghiệm $x \in \left[\frac{\pi}{4}; \frac{\pi}{2}\right)$

A). m ≤ - 8 B). m ≥ - 4 C). m ≥ - 8 D). - 8 ≤ m ≤ - 4

3). Tìm m để phương trình 3.sinx + mcosx = 1 - m có nghiệm.

A). m ≥ 4 B). m ≤ 4 C). m ≥ - 4. D). m ≤ - 4

4). Giải phương trình $\sin^2 x = \sin^2 2x + \sin^2 3x$.

A). $x = k\pi, x = \frac{k2\pi}{3}, x = k\pi$

B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, x = \frac{k\pi}{3}, x = \frac{k\pi}{2}$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, x = \frac{k2\pi}{3}, x = k\pi$

D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi, x = \frac{k\pi}{3}, x = \frac{k\pi}{2}$

5). Giải phương trình 5(1 + cosx) = 2 + $\sin^4 x$ - $\cos^4 x$.

A). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$ B). $x = \pm\frac{2\pi}{3} + k2\pi$ C). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$ D). $x = \pi + k2\pi$

6). Giải phương trình $\cos^3 x$.cos3x - $\sin^3 x$.sin3x = cos4x.

A). $x = \frac{k\pi}{2}$ B). $x = k\pi$ C). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

7). Giải phương trình 1+ 2(cos2x.tgx - sin2x).cos^{2}x = cos2x.

A). $x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

C). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$ D). $x = k\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

8). Giải phương trình $\frac{\sin^6 x + \cos^6 x - 1}{\sin^4 x + \cos^4 x - 1} = \frac{tg^2 x}{2}$

A). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$ B). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$ C). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$ D). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

9). Giải phương trình tgx + sin2x = - 2.

A). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$

10). Giải phương trình sin^{6}x + cos^{6}x = 2 - cos4x.

A). $x = \frac{k\pi}{2}$ B). $x = k\pi$ C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

11). Giải phương trình 3(tg2x + cotgx) = - 4sin2x.

A). $x = k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$ B). $x = k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

hoc360.net

Đề số : 159

12). Giải phương trình $\sin 2x = \sqrt{3}.\sin x$.

A). $x = k\pi \ , x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

B). $x = k\pi \ , x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \ , x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = k\pi \ , x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

D). $x = k2\pi \ , x = \frac{\pi}{3} + k2\pi \ , x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$

13). Giải phương trình $(1-\sqrt{2})(\sin x + \cos x) + \sin 2x = \sqrt{2} - 1$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$

B). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \pi + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$

C). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \pi + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$

D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$

14). Tìm m để phương trình sinx + cosx + 2sinx.cosx - 1 = m có nghiệm.

A). $-\frac{9}{4} \le m \le -\sqrt{2}$ B). $-\frac{9}{4} \le m \le \sqrt{2}$ C). $m \ge -\frac{9}{4}$ D). $-\sqrt{2} \le m \le \sqrt{2}$

15). Giải phương trình $\cos x = -\frac{1}{2}$.

A). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$ B). $x = \pm\frac{2\pi}{3} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \ , \ x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$ D). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

16). Giải phương trình sinx = 1.

A). $x = k2\pi$ B). $x = \pi + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

17). Giải phương trình $\sin x + \sqrt{3}\cos x + \sqrt{\sin x + \sqrt{3}\cos x} = 2$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = \pi + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$ D). $x = k2\pi,\ x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$

18). Giải phương trình cosx = 0.

A). $x = k2\pi$ B). $x = \pi + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

19). Giải phương trình $2\cos 2x.\cos x + 8\sin^2 x + 7\cos x - 9 = 0$.

A). $x = k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$ B). $x = \pi + k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

C). $x = \pi + k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$ D). $x = k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

20). Phương trình $\frac{1}{\cos x} - \frac{1}{\sin x} = -2\sqrt{2}$ tương đương với phương trình:

A). $\sin(x - \frac{\pi}{4}) = 1\ v\ \sin(x - \frac{\pi}{4}) = \frac{1}{2}$ B). $\sin(x - \frac{\pi}{4}) = 1\ v\ \cos(x + \frac{\pi}{4}) = \frac{1}{2}$

C). $\sin(x + \frac{\pi}{4}) = 1\ v\ \cos(x + \frac{\pi}{4}) = -\frac{1}{2}$ D). $\sin(x - \frac{\pi}{4}) = -1\ v\ \cos(x + \frac{\pi}{4}) = -\frac{1}{2}$

21). Giải phương trình $\frac{\sin^4 2x + \cos^4 2x}{tg(\frac{\pi}{4} - x).tg(\frac{\pi}{4} + x)} = \cos^4 4x$.

A). $x = \frac{k\pi}{2}$ B). $x = k2\pi$ C). $x = k\pi$ D). $x = \frac{k\pi}{4}$

22). Giải phương trình $tg^2x + tgx.cotg2x = 1$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}$ D). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

Đề số : 159

23). Giải phương trình $tgx + cotgx = \sin 2x - 1$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ C). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

24). Giải phương trình $\frac{\sqrt{3}}{\cos^2 x} = 3tgx + \sqrt{3}$.

A). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$ B). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$ C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$ D). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$

25). Giải phương trình $\frac{\sin 2x}{1 + \sin x} = -2\cos x$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi, x = -\frac{5\pi}{6} + k2\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{2} + \frac{k2\pi}{3}$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{2} + \frac{k2\pi}{3}$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi, x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi, x = -\frac{5\pi}{6} + k2\pi$

26). Giải phương trình $\cos 2x + 3\cos x + 2 = 0$.

A). $x = \pi + k2\pi\ ,\ x = \pm\frac{2\pi}{3} + k2\pi$ B). $x = \pi + k2\pi\ ,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

C). $x = \pi + k2\pi$, $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$ D). $x = \pi + k2\pi$

27). Tìm m để phương trình $\sin^4x + \cos^4x - \cos2x + \frac{1}{4}\sin^2 2x - m = 0$ có nghiệm.

A). $0 \le m \le 2$ B). $0 \le m \le 8$ C). $-1 \le m \le 2$ D). $-1 \le m \le 8$

28). Phương trình $tgx + cotg2x = 3 - 2.\sin2x$ tương đương với phương trình .

A). $\sin2x = -1$ v $\sin2x = \frac{1}{2}$. B). $\sin2x = 1$ v $\sin2x = -\frac{1}{2}$.

C). $\sin2x = -1$ v $\sin2x = -\frac{1}{2}$. D). $\sin2x = 1$ v $\sin2x = \frac{1}{2}$.

29). Tìm m để phương trình $\sin^2x + 4\sin x.\cos x + 2m.\cos^2x = 0$ có nghiệm.

A). $m \le 4$ B). $m \le 2$ C). $m \ge 4$ D). $m \ge 2$

30). Giải phương trình $\cot gx - 3tgx = \cot g^2x - 3$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi, x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$ B). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi, x = \pm\frac{\pi}{18} + k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}, x = \pm\frac{\pi}{6} + \frac{k\pi}{2}$ D). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}, x = \pm\frac{\pi}{18} + \frac{k\pi}{2}$

31). Giải phương trình $\sin x = -\frac{\sqrt{2}}{2}$.

A). $x = \pm\frac{\pi}{4} + k2\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$, $x = -\frac{5\pi}{4} + k2\pi$

C). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$, $x = \frac{5\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = \pm\frac{3\pi}{4} + k2\pi$

32). Giải phương trình $4\sin^3x + 5\cos2x + 2\sin x - 1 = 0$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$, $x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi$, $x = -\frac{5\pi}{6} + k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$, $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$, $x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

C). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$, $x=\frac{\pi}{6}+k2\pi$, $x=\frac{7\pi}{6}+k2\pi$ D).

$x=-\frac{\pi}{2}+k2\pi$, $x=-\frac{\pi}{6}+k2\pi$, $x=\frac{7\pi}{6}+k2\pi$

33). Giải phương trình tg3x + tgx = sin2x.

A). $x=k\pi, x=\frac{\pi}{2}+k\pi$ B). $x=k2\pi$ C). $x=k\pi, x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$ D). $x=k\pi$

hoc360.net

Đề số : 159

34). Giải phương trình $2\sin^3x - \cos x.(2\sin^2x - 3) - 3\sin x.(\cos 2x + 1) + \cos 3x + 2\cos^3x = 0$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

B). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$

C). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

D). $x = \pm\frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$

35). Giải phương trình $\cos^2 x + \sqrt{3}\sin 2x = 2 + \sin^2 x$.

A). $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$

B). $x = \frac{\pi}{6} + k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$

D). $x = -\frac{\pi}{6} + k\pi$

36). Giải phương trình $\sin 2x + \cos 2x = \sqrt{2}\sin 3x$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi\ ,\ x = \frac{3\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

B). $x = \frac{\pi}{8} + k\pi\ ,\ x = \frac{3\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

C). $x = \frac{\pi}{8} + k2\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

D). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi\ ,\ x = \frac{3\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

37). Giải phương trình $\cos x - \sin x - 2\sin 2x = 1$.

A). $x = \pi + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

B). $x = \pi + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi$

C). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

D). $x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi$

38). Giải phương trình $\cos 3x = \sin x$.

A). $x = \frac{\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}\ ,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

B). $x = \frac{\pi}{8} + k\pi\ ,\ x = -\frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}$

C). $x = \frac{\pi}{8} + k2\pi\ ,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

D). $x = \frac{\pi}{8} + k2\pi\ \ ,\ x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$

39). Giải phương trình $\sin x + \cos x = \frac{\sqrt{2}}{2}$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$

B). $x = \frac{11\pi}{12} + k2\pi,\ x = -\frac{5\pi}{12} + k2\pi$

C). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

D). $x = \frac{7\pi}{12} + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{12} + k2\pi$

40). Tìm m để phương trình $(m + 2)\sin x - 2m\cos x = 2(m + 1)$ có nghiệm.

A). $m \le -4$ v $m \ge 0$ B). $0 \le m \le 4$ C). $-4 \le m \le 0$ D). $m \le 0$ v $m \ge 4$.

41). Giải phương trình $3(\sin x + \cos x) - \sin 2x = 3$.

A). $x = k2\pi,\ x = \pi + k2\pi$

B). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

C). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

D). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

42). Tìm m để phương trình $\sin^2 x - \sin x.\cos x + (2 - m)\cos^2 x = 0$ có nghiệm $x \in \left[-\frac{\pi}{4}; \frac{\pi}{4}\right]$.

A). $\frac{7}{4} \le m \le 2$ B). $m \ge \frac{7}{4}$ C). $\frac{7}{4} \le m \le 4$ D). $m \ge 4$

43). Giải phương trình $\sqrt{3}\sin x + \cos x = \frac{1}{\cos x}$.

A). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$

B). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$

C). $x = k\pi,\ x = -\frac{\pi}{3} + k\pi$

D). $x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{6} + k\pi$

hoc360.net

Đề số : 159

44). Giải phương trình $2(\sin^4x + \cos^4x) = 2 + \sin 2x$.

A). $x = k\pi \ , \ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

B). $x = \frac{k\pi}{2} \ , \ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

C). $x = \frac{k\pi}{2} \ , \ x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

D). $x = k\pi \ , \ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

45). Giải phương trình $\sin^6 x + \cos^6 x - \frac{3}{8}\sin 4x = 1$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}, x = -\frac{\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}$.

B). $x = \frac{k\pi}{2}, x = \frac{\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}$.

C). $x = \frac{k\pi}{2}, x = -\frac{\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}$.

D). $x = \frac{k\pi}{2}, x = -\frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}$.

46). Giải phương trình $\sin^4x + \cos^4x = 2\cos 2x - 1$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$ B). $x = k\pi$ C). $x = k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

47). Giải phương trình $\frac{1}{tgx + \cot g2x} = \frac{\sqrt{2}(\cos x + \sin x)}{\cot gx + 1}$.

A). $x = k\pi, x = \pm\frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = \pm\frac{\pi}{4} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$

48). Tìm m để phương trình $2(\sin x - \cos x) + \sin 2x + m - 1 = 0$ có nghiệm.

A). $2 - 2\sqrt{2} \le m \le 2 + 2\sqrt{2}$ B). $-1 \le m \le 2 + 2\sqrt{2}$ C). $-1 \le m \le 2 - 2\sqrt{2}$ D). $m \ge 2 + 2\sqrt{2}$

49). Giải phương trình $2\cos^2x + 3\sin x - 3 = 0$.

A). $x=-\frac{\pi}{2}+k2\pi$, $x=\frac{\pi}{6}+k2\pi$, $x=\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

B). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi$, $x=-\frac{\pi}{6}+k2\pi$, $x=\frac{7\pi}{6}+k2\pi$

C). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$, $x=\frac{\pi}{3}+k2\pi$, $x=\frac{2\pi}{3}+k2\pi$

D). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$, $x=\frac{\pi}{6}+k2\pi$, $x=\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

50). Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số $y=\frac{\sin x+2\cos x+1}{\sin x+\cos x+2}$

A). Miny = - 1, Maxy = 2.

B). Miny = - 2, Maxy = 1.

C). Miny = - 2, Maxy = -1.

D). Miny = 1, Maxy = 2.

hoc360.net

ĐỀ KIỂM TRA : Phương trình lượng giác lần 1

Thời gian làm bài : 90 phút

Nội dung đề số : 289

1). Giải phương trình cosx = 0.

A). $x = k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ D). $x = \pi + k2\pi$

2). Giải phương trình tg3x + tgx = sin2x.

A). $x = k\pi, x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ B). $x = k\pi, x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$ C). $x = k\pi$ D). $x = k2\pi$

3). Tìm m để phương trình $\sin^2 x$ - 6sinx.cosx + (1- m)$\cos^2 x$ = 0 có nghiệm $x \in \left[\frac{\pi}{4}; \frac{\pi}{2}\right)$

A). m ≤ - 8 B). - 8 ≤ m ≤ - 4 C). m ≥ - 8 D). m ≥ - 4

4). Giải phương trình 2($\sin^4 x + \cos^4 x$) = 2 + sin2x.

A). $x = \frac{k\pi}{2}$, $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ B). $x = k\pi$, $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

C). $x = \frac{k\pi}{2}$, $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ D). $x = k\pi$, $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

5). Tìm m để phương trình sinx + cosx + 2sinx.cosx - 1 = m có nghiệm.

A). $-\sqrt{2} \le m \le \sqrt{2}$ B). $-\frac{9}{4} \le m \le -\sqrt{2}$ C). $-\frac{9}{4} \le m \le \sqrt{2}$ D). $m \ge -\frac{9}{4}$

6). Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = \frac{\sin x + 2\cos x + 1}{\sin x + \cos x + 2}$

A). Miny = - 2, Maxy = -1. B). Miny = - 2, Maxy = 1.

C). Miny = 1, Maxy = 2. D). Miny = - 1, Maxy = 2.

7). Giải phương trình $\sin 2x = \sqrt{3}.\sin x$.

A). $x = k\pi \ , x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

B). $x = k\pi \ , x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \ , x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = k\pi \ , x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

D). $x = k2\pi \ , x = \frac{\pi}{3} + k2\pi \ , x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$

8). Giải phương trình $\frac{\sin^6 x + \cos^6 x - 1}{\sin^4 x + \cos^4 x - 1} = \frac{tg^2 x}{2}$

A). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$ B). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$ C). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$ D). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

9). Giải phương trình tgx + sin2x = - 2.

A). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

10). Tìm m để phương trình (m + 2)sinx - 2mcosx = 2(m + 1) có nghiệm.

A). - 4 ≤ m ≤ 0 B). m ≤ 0 v m ≥ 4. C). 0 ≤ m ≤ 4 D). m ≤ - 4 v m ≥ 0

11). Giải phương trình $tg^2x + tgx.cotg2x = 1$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}$ B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ C). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

12). Giải phương trình $\sin^6 x + \cos^6 x - \frac{3}{8}\sin 4x = 1$.

A). $x=\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}, x=-\frac{\pi}{8}+\frac{k\pi}{2}$.

B). $x=\frac{k\pi}{2}, x=-\frac{\pi}{8}+\frac{k\pi}{2}$.

C). $x=\frac{k\pi}{2}, x=\frac{\pi}{8}+\frac{k\pi}{2}$.

D). $x=\frac{k\pi}{2}, x=-\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}$.

Đề số : 289

13). Giải phương trình $4\sin^3x + 5\cos2x + 2\sin x - 1 = 0$.

A). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$, $x=\frac{\pi}{6}+k2\pi$, $x=\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

B). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$, $x=-\frac{\pi}{6}+k2\pi$, $x=-\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

C). $x=-\frac{\pi}{2}+k2\pi$, $x=-\frac{\pi}{6}+k2\pi$, $x=\frac{7\pi}{6}+k2\pi$

D). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$, $x=\frac{\pi}{6}+k2\pi$, $x=\frac{7\pi}{6}+k2\pi$

14). Giải phương trình $\cot gx - 3tgx = \cot g^2x - 3$.

A). $x=\frac{\pi}{4}+k\pi, x=\pm\frac{\pi}{18}+k\pi$

B). $x=\frac{\pi}{4}+k\pi, x=\pm\frac{\pi}{6}+k\pi$

C). $x=\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}, x=\pm\frac{\pi}{18}+\frac{k\pi}{2}$

D). $x=\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}, x=\pm\frac{\pi}{6}+\frac{k\pi}{2}$

15). Tìm m để phương trình $\sin^2x - \sin x.\cos x + (2 - m)\cos^2x = 0$ có nghiệm $x\in\left[-\frac{\pi}{4};\frac{\pi}{4}\right]$.

A). $m \geq 4$

B). $\frac{7}{4} \leq m \leq 2$

C). $m \geq \frac{7}{4}$

D). $\frac{7}{4} \leq m \leq 4$

16). Giải phương trình $\cos2x + 3\cos x + 2 = 0$.

A). $x=\pi+k2\pi$, $x=\pm\frac{\pi}{6}+k2\pi$

B). $x=\pi+k2\pi$

C). $x=\pi+k2\pi$, $x=\pm\frac{\pi}{3}+k2\pi$

D). $x=\pi+k2\pi$, $x=\pm\frac{2\pi}{3}+k2\pi$

hoc360.net

17). Giải phương trình $\frac{1}{tgx+\cot g2x}=\frac{\sqrt{2}(\cos x+\sin x)}{\cot gx+1}$.

A). $x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi$ B). $x=\pm\frac{\pi}{4}+k2\pi$

C). $x=\frac{\pi}{4}+k2\pi$ D). $x=k\pi, x=\pm\frac{\pi}{4}+k\pi$

18). Giải phương trình $2\cos2x.\cos x + 8\sin^2 x + 7\cos x - 9 = 0$.

A). $x=k2\pi,\ x=\pm\frac{\pi}{3}+k2\pi$ B). $x=\pi+k2\pi,\ x=\pm\frac{\pi}{3}+k2\pi$

C). $x=k2\pi,\ x=\pm\frac{\pi}{6}+k2\pi$ D). $x=\pi+k2\pi,\ x=\pm\frac{\pi}{6}+k2\pi$

19). Giải phương trình $\cos^3 x.\cos3x - \sin^3 x.\sin3x = \cos4x$.

A). $x=\frac{k\pi}{2}$ B). $x=\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}$ C). $x=k\pi$ D). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi$

20). Giải phương trình $\sin2x+\cos2x=\sqrt{2}\sin3x$.

A). $x=\frac{\pi}{8}+k\pi\ ,\ x=\frac{3\pi}{20}+\frac{k2\pi}{5}$ B). $x=\frac{\pi}{8}+k2\pi\ ,\ x=\frac{\pi}{20}+\frac{k2\pi}{5}$

C). $x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi\ ,\ x=\frac{3\pi}{20}+\frac{k2\pi}{5}$ D). $x=\frac{\pi}{4}+k2\pi\ ,\ x=\frac{3\pi}{20}+\frac{k2\pi}{5}$

21). Giải phương trình $\sin x = -\frac{\sqrt{2}}{2}$.

A). $x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi\ ,\ x=\frac{5\pi}{4}+k2\pi$ B). $x=\pm\frac{\pi}{4}+k2\pi$

C). $x=\pm\frac{3\pi}{4}+k2\pi$ D). $x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi\ ,\ x=-\frac{5\pi}{4}+k2\pi$

Đề số : 289

22). Giải phương trình $2\cos^2 x + 3\sin x - 3 = 0$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi \ , \ x = \frac{\pi}{3} + k2\pi \ , \ x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$

B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi \ , \ x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \ , \ x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi \ , \ x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \ , \ x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi \ , \ x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi \ , \ x = \frac{7\pi}{6} + k2\pi$

23). Giải phương trình $1 + 2(\cos 2x.\text{tg}x - \sin 2x).\cos^2 x = \cos 2x$.

A). $x = k\pi, \ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

B). $x = k2\pi, \ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

C). $x = k\pi, \ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

D). $x = k2\pi, \ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

24). Phương trình $\text{tg}x + \text{cotg}2x = 3 - 2.\sin 2x$ tương đương với phương trình .

A). $\sin 2x = 1$ v $\sin 2x = -\frac{1}{2}$.

B). $\sin 2x = 1$ v $\sin 2x = \frac{1}{2}$.

C). $\sin 2x = -1$ v $\sin 2x = \frac{1}{2}$.

D). $\sin 2x = -1$ v $\sin 2x = -\frac{1}{2}$.

25). Giải phương trình $\cos x - \sin x - 2\sin 2x = 1$.

A). $x = \pi + k2\pi, \ x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi$

B). $x = k2\pi, \ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

C). $x = \pi + k2\pi, \ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

D). $x = k2\pi, \ x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi$

26). Giải phương trình $\frac{\sin 2x}{1 + \sin x} = -2\cos x$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi \ , \ x = \frac{\pi}{2} + \frac{k2\pi}{3}$

B). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi \ , \ x = \frac{\pi}{2} + \frac{k2\pi}{3}$

C). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi, x=-\frac{\pi}{6}+k2\pi, x=-\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

D). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi, x=-\frac{\pi}{6}+k2\pi, x=-\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

27). Phương trình $\frac{1}{\cos x}-\frac{1}{\sin x}=-2\sqrt{2}$ tương đương với phương trình:

A). $\sin(x-\frac{\pi}{4})=1 \ v \ \cos(x+\frac{\pi}{4})=\frac{1}{2}$

B). $\sin(x+\frac{\pi}{4})=1 \ v \ \cos(x+\frac{\pi}{4})=-\frac{1}{2}$

C). $\sin(x-\frac{\pi}{4})=1 \ v \ \sin(x-\frac{\pi}{4})=\frac{1}{2}$

D). $\sin(x-\frac{\pi}{4})=-1 \ v \ \cos(x+\frac{\pi}{4})=-\frac{1}{2}$

28). Giải phương trình $\sin^2 x = \sin^2 2x + \sin^2 3x$.

A). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi, x=\frac{k2\pi}{3}, x=k\pi$

B). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi, x=\frac{k\pi}{3}, x=\frac{k\pi}{2}$

C). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi, x=\frac{k\pi}{3}, x=\frac{k\pi}{2}$

D). $x=k\pi, x=\frac{k2\pi}{3}, x=k\pi$

29). Giải phương trình $3(\sin x + \cos x) - \sin 2x = 3$.

A). $x=k\pi, \ x=\frac{\pi}{2}+k\pi$

B). $x=k2\pi, \ x=\frac{\pi}{2}+k\pi$

C). $x=k2\pi, \ x=\pi+k2\pi$

D). $x=k2\pi, \ x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$

30). Giải phương trình $\cos 3x = \sin x$.

A). $x=\frac{\pi}{8}+k\pi \ , x=-\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}$

B). $x=\frac{\pi}{8}+\frac{k\pi}{2} \ , x=-\frac{\pi}{4}+k\pi$

C). $x=\frac{\pi}{8}+k2\pi \ , x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi$

D). $x=\frac{\pi}{8}+k2\pi \ , x=-\frac{\pi}{4}+k\pi$

Đề số : 289

31). Giải phương trình tgx + cotgx = sin2x - 1.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ C). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$

32). Giải phương trình $\sin^4 x + \cos^4 x = 2\cos 2x - 1$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ C). $x = k2\pi$ D). $x = k\pi$

33). Giải phương trình $\cos x = -\frac{1}{2}$.

A). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$ B). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = \pm\frac{2\pi}{3} + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$, $x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

34). Giải phương trình $\frac{\sqrt{3}}{\cos^2 x} = 3tgx + \sqrt{3}$.

A). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$ B). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$ D). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$

35). Giải phương trình $2\sin^3 x - \cos x.(2\sin^2 x - 3) - 3\sin x.(\cos 2x + 1) + \cos 3x + 2\cos^3 x = 0$.

A). $x = \pm\frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$ B). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$

C). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

36). Giải phương trình $|\sin x - \cos x| + 4\sin 2x = 1$.

A). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \pi + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi$ D). $x = \frac{k\pi}{2}$

37). Giải phương trình sinx + cosx = $\frac{\sqrt{2}}{2}$.

A). $x = \frac{7\pi}{12} + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{12} + k2\pi$ B). $x = \frac{11\pi}{12} + k2\pi,\ x = -\frac{5\pi}{12} + k2\pi$

C). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

38). Giải phương trình $\sin x + \sqrt{3}\cos x + \sqrt{\sin x + \sqrt{3}\cos x} = 2$.

A). $x = \pi + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$ B). $x = k2\pi,\ x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$

39). Tìm m để phương trình 3.sinx + mcosx = 1 - m có nghiệm.

A). m ≤ 4 B). m ≤ - 4 C). m ≥ - 4. D). m ≥ 4

40). Giải phương trình sinx = 1.

A). $x = k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$ C). $x = \pi + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

41). Giải phương trình $\sin^6 x + \cos^6 x = 2 - \cos 4x$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ B). $x = k\pi$ C). $x = \frac{k\pi}{2}$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

Đề số : 289

42). Giải phương trình $\cos^2 x + \sqrt{3}\sin 2x = 2 + \sin^2 x$.

A). $x = \frac{\pi}{6} + k\pi$ B). $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$ D). $x = -\frac{\pi}{6} + k\pi$

43). Tìm m để phương trình $\sin^4x + \cos^4x - \cos2x + \frac{1}{4}\sin^2 2x - m = 0$ có nghiệm.

A). $0 \le m \le 2$ B). $-1 \le m \le 8$ C). $0 \le m \le 8$ D). $-1 \le m \le 2$

44). Giải phương trình $5(1 + \cos x) = 2 + \sin^4x - \cos^4x$.

A). $x = \pm\frac{2\pi}{3} + k2\pi$ B). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$ C). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$ D). $x = \pi + k2\pi$

45). Giải phương trình $(1-\sqrt{2})(\sin x + \cos x) + \sin 2x = \sqrt{2} - 1$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \pi + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ C). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \pi + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$

46). Tìm m để phương trình $\sin^2x + 4\sin x.\cos x + 2m.\cos^2x = 0$ có nghiệm.

A). $m \le 4$ B). $m \le 2$ C). $m \ge 4$ D). $m \ge 2$

47). Giải phương trình $\frac{\sin^4 2x + \cos^4 2x}{tg(\frac{\pi}{4} - x).tg(\frac{\pi}{4} + x)} = \cos^4 4x$.

A). $x = k2\pi$ B). $x = \frac{k\pi}{4}$ C). $x = \frac{k\pi}{2}$ D). $x = k\pi$

48). Tìm m để phương trình 2(sinx - cosx) + sin2x + m - 1 = 0 có nghiệm.

A). $-1 \le m \le 2-2\sqrt{2}$

B). $-1 \le m \le 2+2\sqrt{2}$

C). $m \ge 2+2\sqrt{2}$

D). $2-2\sqrt{2} \le m \le 2+2\sqrt{2}$

49). Giải phương trình 3(tg2x + cotgx) = - 4sin2x.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$

B). $x = k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

D). $x = k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

50). Giải phương trình $\sqrt{3}\sin x + \cos x = \frac{1}{\cos x}$.

A). $x = k\pi,\ x = -\frac{\pi}{3} + k\pi$

B). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$

C). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$

D). $x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{6} + k\pi$

hoc360.net

ĐỀ KIỂM TRA : Phương trình lượng giác lần 1

Thời gian làm bài : 90 phút

Nội dung đề số : 367

1). Giải phương trình $(1-\sqrt{2})(\sin x+\cos x)+\sin 2x=\sqrt{2}-1$.

A). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi,\ x=k2\pi,\ x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi$

B). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi,\ x=k2\pi,\ x=\frac{\pi}{4}+k2\pi$

C). $x=-\frac{\pi}{2}+k2\pi,\ x=\pi+k2\pi,\ x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi$

D). $x=-\frac{\pi}{2}+k2\pi,\ x=\pi+k2\pi,\ x=\frac{\pi}{4}+k2\pi$

2). Giải phương trình 3(sinx + cosx) - sin2x = 3.

A). $x=k\pi,\ x=\frac{\pi}{2}+k\pi$

B). $x=k2\pi,\ x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$

C). $x=k2\pi,\ x=\pi+k2\pi$

D). $x=k2\pi,\ x=\frac{\pi}{2}+k\pi$

3). Giải phương trình cotgx - 3tgx = cotg^2x - 3 .

A). $x=\frac{\pi}{4}+k\pi, x=\pm\frac{\pi}{6}+k\pi$

B). $x=\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}, x=\pm\frac{\pi}{6}+\frac{k\pi}{2}$

C). $x=\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}, x=\pm\frac{\pi}{18}+\frac{k\pi}{2}$

D). $x=\frac{\pi}{4}+k\pi, x=\pm\frac{\pi}{18}+k\pi$

4). Giải phương trình $\frac{\sin^6 x+\cos^6 x-1}{\sin^4 x+\cos^4 x-1}=\frac{tg^2 x}{2}$

A). $x=\pm\frac{\pi}{3}+k2\pi$

B). $x=\pm\frac{\pi}{6}+k\pi$

C). $x=\pm\frac{\pi}{6}+k2\pi$

D). $x=\pm\frac{\pi}{3}+k\pi$

5). Tìm m để phương trình $\sin^4x + \cos^4x - \cos2x + \frac{1}{4}\sin^2 2x - m = 0$ có nghiệm.

A). $-1 \le m \le 2$ B). $-1 \le m \le 8$ C). $0 \le m \le 2$ D). $0 \le m \le 8$

6). Giải phương trình $2\cos2x.\cos x + 8\sin^2 x + 7\cos x - 9 = 0$.

A). $x = k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$ B). $x = k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = \pi + k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$ D). $x = \pi + k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

7). Giải phương trình $\sin x + \cos x = \frac{\sqrt{2}}{2}$.

A). $x = \frac{11\pi}{12} + k2\pi,\ x = -\frac{5\pi}{12} + k2\pi$ B). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

C). $x = \frac{7\pi}{12} + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{12} + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$

8). Giải phương trình $\cos^3x.\cos3x - \sin^3x.\sin3x = \cos4x$.

A). $x = k\pi$ B). $x = \frac{k\pi}{2}$ C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}$

9). Giải phương trình $\sin^4x + \cos^4x = 2\cos2x - 1$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$ B). $x = k2\pi$ C). $x = k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

hoc360.net

Đề số : 367

10). Giải phương trình cos3x = sinx .

A). $x=\frac{\pi}{8}+\frac{k\pi}{2}\ ,x=-\frac{\pi}{4}+k\pi$

B). $x=\frac{\pi}{8}+k2\pi\ \ ,x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi$

C). $x=\frac{\pi}{8}+k\pi\ ,x=-\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}$

D). $x=\frac{\pi}{8}+k2\pi\ ,x=-\frac{\pi}{4}+k\pi$

11). Giải phương trình 3(tg2x + cotgx) = - 4sin2x.

A). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi,\ x=\pm\frac{\pi}{3}+k\pi$

B). $x=k\pi,\ x=\pm\frac{\pi}{6}+k\pi$

C). $x=k\pi,\ x=\pm\frac{\pi}{3}+k\pi$

D). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi,\ x=\pm\frac{\pi}{6}+k\pi$

12). Giải phương trình $\frac{\sin 2x}{1+\sin x}=-2\cos x$.

A). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi,x=-\frac{\pi}{6}+k2\pi,x=-\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

B). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi,x=-\frac{\pi}{6}+k2\pi,x=-\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

C). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi\ ,x=\frac{\pi}{2}+\frac{k2\pi}{3}$

D). $x=-\frac{\pi}{2}+k2\pi\ ,x=\frac{\pi}{2}+\frac{k2\pi}{3}$

13). Giải phương trình $4\sin^3x + 5\cos2x + 2\sin x - 1 = 0$.

A). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi\ ,x=\frac{\pi}{6}+k2\pi\ ,x=\frac{7\pi}{6}+k2\pi$

B). $x=-\frac{\pi}{2}+k2\pi\ ,x=-\frac{\pi}{6}+k2\pi\ ,x=\frac{7\pi}{6}+k2\pi$

C). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi\ ,x=-\frac{\pi}{6}+k2\pi\ ,x=-\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

D). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi\ ,x=\frac{\pi}{6}+k2\pi\ ,x=\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

14). Giải phương trình $\cos x = -\frac{1}{2}$.

A). $x=\frac{\pi}{6}+k2\pi\ \ ,x=\frac{5\pi}{6}+k2\pi$

B). $x=\pm\frac{\pi}{3}+k2\pi$

C). $x=\pm\frac{2\pi}{3}+k2\pi$

D). $x=\pm\frac{\pi}{6}+k2\pi$

15). Giải phương trình $2\sin^3x - \cos x.(2\sin^2x - 3) - 3\sin x.(\cos 2x + 1) + \cos 3x + 2\cos^3x = 0$.

A). $x = \pm\frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$

B). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

D). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$

16). Giải phương trình $\frac{1}{tgx + \cot g2x} = \frac{\sqrt{2}(\cos x + \sin x)}{\cot gx + 1}$.

A). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ C). $x = k\pi, x = \pm\frac{\pi}{4} + k\pi$ D). $x = \pm\frac{\pi}{4} + k2\pi$

17). Giải phương trình $\sin 2x + \cos 2x = \sqrt{2}\sin 3x$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi\ ,\ x = \frac{3\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi\ ,\ x = \frac{3\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

C). $x = \frac{\pi}{8} + k\pi\ ,\ x = \frac{3\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

D). $x = \frac{\pi}{8} + k2\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

18). Giải phương trình $tg^2x + tgx.\cot g2x = 1$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}$ C). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

19). Giải phương trình $\sin 2x = \sqrt{3}.\sin x$.

A). $x = k\pi\ , x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

B). $x = k\pi\ , x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

C). $x = k2\pi\ , x = \frac{\pi}{3} + k2\pi\ , x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$

D). $x = k\pi\ , x = \frac{\pi}{6} + k2\pi\ , x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

Đề số : 367

20). Giải phương trình $\cos 2x + 3\cos x + 2 = 0$.

A). $x = \pi + k2\pi$, $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

B). $x = \pi + k2\pi$, $x = \pm\frac{2\pi}{3} + k2\pi$

C). $x = \pi + k2\pi$, $x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

D). $x = \pi + k2\pi$

21). Giải phương trình $\cos^2 x + \sqrt{3}\sin 2x = 2 + \sin^2 x$.

A). $x = \frac{\pi}{6} + k\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{6} + k\pi$ C). $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$

22). Giải phương trình $\sin x = -\frac{\sqrt{2}}{2}$.

A). $x = \pm\frac{3\pi}{4} + k2\pi$

B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$, $x = \frac{5\pi}{4} + k2\pi$

C). $x = \pm\frac{\pi}{4} + k2\pi$

D). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$, $x = -\frac{5\pi}{4} + k2\pi$

23). Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = \frac{\sin x + 2\cos x + 1}{\sin x + \cos x + 2}$

A). Miny = - 2, Maxy = 1.

B). Miny = 1, Maxy = 2.

C). Miny = - 1, Maxy = 2.

D). Miny = - 2, Maxy = -1.

24). Giải phương trình cosx - sinx - 2sin2x = 1.

A). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

B). $x = \pi + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

C). $x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi$

D). $x = \pi + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi$

25). Tìm m để phương trình sinx + cosx + 2sinx.cosx - 1 = m có nghiệm.

A). $-\frac{9}{4} \le m \le -\sqrt{2}$ B). $-\sqrt{2} \le m \le \sqrt{2}$ C). $m \ge -\frac{9}{4}$ D). $-\frac{9}{4} \le m \le \sqrt{2}$

26). Tìm m để phương trình $\sin^2x - \sin x.\cos x + (2 - m)\cos^2x = 0$ có nghiệm $x \in \left[-\frac{\pi}{4};\frac{\pi}{4}\right]$.

A). $m \geq 4$ B). $\frac{7}{4} \leq m \leq 2$ C). $\frac{7}{4} \leq m \leq 4$ D). $m \geq \frac{7}{4}$

27). Giải phương trình $\sqrt{3}\sin x + \cos x = \frac{1}{\cos x}$.

A). $x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{6} + k\pi$ B). $x = k\pi,\ x = -\frac{\pi}{3} + k\pi$

C). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$ D). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$

28). Giải phương trình $5(1 + \cos x) = 2 + \sin^4x - \cos^4x$.

A). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$ B). $x = \pi + k2\pi$ C). $x = \pm\frac{2\pi}{3} + k2\pi$ D). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

29). Giải phương trình $\tan x + \sin 2x = -2$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

30). Giải phương trình $2(\sin^4x + \cos^4x) = 2 + \sin 2x$.

A). $x = \frac{k\pi}{2}\ ,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = \frac{k\pi}{2}\ ,\ x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

C). $x = k\pi\ ,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ D). $x = k\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

hoc360.net

Đề số : 367

31). Tìm m để phương trình 2(sinx - cosx) + sin2x + m - 1 = 0 có nghiệm.

A). $-1 \le m \le 2-2\sqrt{2}$ B). $m \ge 2+2\sqrt{2}$

C). $2-2\sqrt{2} \le m \le 2+2\sqrt{2}$ D). $-1 \le m \le 2+2\sqrt{2}$

32). Giải phương trình 1+ 2(cos2x.tgx - sin2x).$\cos^2$x = cos2x.

A). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

C). $x = k\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ D). $x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

33). Phương trình $\frac{1}{\cos x} - \frac{1}{\sin x} = -2\sqrt{2}$ tương đương với phương trình:

A). $\sin(x+\frac{\pi}{4}) = 1\ v\ \cos(x+\frac{\pi}{4}) = -\frac{1}{2}$ B). $\sin(x-\frac{\pi}{4}) = -1\ v\ \cos(x+\frac{\pi}{4}) = -\frac{1}{2}$

C). $\sin(x-\frac{\pi}{4}) = 1\ v\ \sin(x-\frac{\pi}{4}) = \frac{1}{2}$ D). $\sin(x-\frac{\pi}{4}) = 1\ v\ \cos(x+\frac{\pi}{4}) = \frac{1}{2}$

34). Tìm m để phương trình (m + 2)sinx - 2mcosx = 2(m + 1) có nghiệm.

A). $0 \le m \le 4$ B). $-4 \le m \le 0$ C). $m \le -4$ v $m \ge 0$ D). $m \le 0$ v $m \ge 4$.

35). Giải phương trình sinx = 1.

A). $x = k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ D). $x = \pi + k2\pi$

36). Tìm m để phương trình $\sin^2$x - 6sinx.cosx + (1- m)$\cos^2$x = 0 có nghiệm $x \in \left[\frac{\pi}{4}; \frac{\pi}{2}\right)$

A). $m \ge -8$ B). $m \ge -4$ C). $m \le -8$ D). $-8 \le m \le -4$

37). Giải phương trình | sinx - cosx| + 4sin2x = 1.

A). $x = \frac{k\pi}{2}$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \pi + k2\pi$ D). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi$

38). Giải phương trình tgx + cotgx = sin2x - 1.

A). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

39). Phương trình tgx + cotg2x = 3 - 2.sin2x tương đương với phương trình .

A). sin2x = 1 v sin2x = $\frac{1}{2}$. B). sin2x = 1 v sin2x = - $\frac{1}{2}$.

C). sin2x = - 1 v sin2x = - $\frac{1}{2}$. D). sin2x = - 1 v sin2x = $\frac{1}{2}$.

40). Giải phương trình $2\cos^2 x + 3\sin x - 3 = 0$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{3} + k2\pi\ ,\ x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{6} + k2\pi\ ,\ x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi\ ,\ x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi\ ,\ x = \frac{7\pi}{6} + k2\pi$

D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{6} + k2\pi\ ,\ x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

41). Tìm m để phương trình 3.sinx + mcosx = 1 - m có nghiệm.

A). $m \le -4$ B). $m \le 4$ C). $m \ge -4$. D). $m \ge 4$

42). Tìm m để phương trình $\sin^2 x + 4\sin x.\cos x + 2m.\cos^2 x = 0$ có nghiệm.

A). $m \ge 4$ B). $m \ge 2$ C). $m \le 4$ D). $m \le 2$

Đề số : 367

43). Giải phương trình $\sin^2x = \sin^2 2x + \sin^2 3x$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi, x = \frac{k\pi}{3}, x = \frac{k\pi}{2}$

B). $x = k\pi, x = \frac{k2\pi}{3}, x = k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, x = \frac{k\pi}{3}, x = \frac{k\pi}{2}$

D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, x = \frac{k2\pi}{3}, x = k\pi$

44). Giải phương trình $tg3x + tgx = \sin 2x$.

A). $x = k\pi$

B). $x = k\pi, x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

C). $x = k\pi, x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

D). $x = k2\pi$

45). Giải phương trình $\sin x + \sqrt{3}\cos x + \sqrt{\sin x + \sqrt{3}\cos x} = 2$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$

B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = \pi + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$

D). $x = k2\pi,\ x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$

46). Giải phương trình $\sin^6x + \cos^6x = 2 - \cos 4x$.

A). $x = \frac{k\pi}{2}$

B). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

D). $x = k\pi$

47). Giải phương trình $\cos x = 0$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

B). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

C). $x = k2\pi$

D). $x = \pi + k2\pi$

48). Giải phương trình $\sin^6 x + \cos^6 x - \frac{3}{8}\sin 4x = 1$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}, x = -\frac{\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}$.

B). $x = \frac{k\pi}{2}, x = -\frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}$.

C). $x = \frac{k\pi}{2}, x = \frac{\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}$.

D). $x = \frac{k\pi}{2}, x = -\frac{\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}$.

49). Giải phương trình $\frac{\sin^4 2x + \cos^4 2x}{tg(\frac{\pi}{4} - x).tg(\frac{\pi}{4} + x)} = \cos^4 4x$.

A). $x = \frac{k\pi}{4}$ B). $x = k\pi$ C). $x = \frac{k\pi}{2}$ D). $x = k2\pi$

50). Giải phương trình $\frac{\sqrt{3}}{\cos^2 x} = 3tgx + \sqrt{3}$.

A). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$ B). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$

C). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$

hoc360.net

ĐỀ KIỂM TRA : Phương trình lượng giác lần 1

Thời gian làm bài : 90 phút

Nội dung đề số : 487

1). Giải phương trình $\sin 2x + \cos 2x = \sqrt{2}\sin 3x$.

A). $x = \frac{\pi}{8} + k2\pi \ , \ x = \frac{\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

B). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi \ , \ x = \frac{3\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

C). $x = \frac{\pi}{8} + k\pi \ , \ x = \frac{3\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

D). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi \ , \ x = \frac{3\pi}{20} + \frac{k2\pi}{5}$

2). Giải phương trình $\sin^2 x = \sin^2 2x + \sin^2 3x$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, x = \frac{k\pi}{3}, x = \frac{k\pi}{2}$

B). $x = k\pi, x = \frac{k2\pi}{3}, x = k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi, x = \frac{k\pi}{3}, x = \frac{k\pi}{2}$

D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, x = \frac{k2\pi}{3}, x = k\pi$

3). Giải phương trình $|\sin x - \cos x| + 4\sin 2x = 1$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, \ x = \pi + k2\pi$

B). $x = \frac{k\pi}{2}$

C). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi, \ x = k2\pi$

D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, \ x = k2\pi$

4). Giải phương trình $\sin 2x = \sqrt{3}.\sin x$.

A). $x = k\pi \ , x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

$x = k2\pi \ , x = \frac{\pi}{3} + k2\pi \ , x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$

B).

C). $x = k\pi \ , x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

$x = k\pi \ , x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \ , x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

D).

5). Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = \frac{\sin x + 2\cos x + 1}{\sin x + \cos x + 2}$

A). Miny = - 2, Maxy = -1.

B). Miny = - 2, Maxy = 1.

C). Miny = 1, Maxy = 2.

D). Miny = - 1, Maxy = 2.

6). Giải phương trình tg3x + tgx = sin2x.

A). $x = k\pi$

B). $x = k\pi, x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

C). $x = k\pi, x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

D). $x = k2\pi$

7). Giải phương trình $\cos x = -\frac{1}{2}$.

A). $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$, $x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

B). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = \pm\frac{2\pi}{3} + k2\pi$

D). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

8). Phương trình $\frac{1}{\cos x} - \frac{1}{\sin x} = -2\sqrt{2}$ tương đương với phương trình:

A). $\sin(x - \frac{\pi}{4}) = -1 \ v \ \cos(x + \frac{\pi}{4}) = -\frac{1}{2}$

B). $\sin(x - \frac{\pi}{4}) = 1 \ v \ \sin(x - \frac{\pi}{4}) = \frac{1}{2}$

C). $\sin(x - \frac{\pi}{4}) = 1 \ v \ \cos(x + \frac{\pi}{4}) = \frac{1}{2}$

D). $\sin(x + \frac{\pi}{4}) = 1 \ v \ \cos(x + \frac{\pi}{4}) = -\frac{1}{2}$

9). Giải phương trình cosx = 0.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

C). $x = k2\pi$

D). $x = \pi + k2\pi$

hoc360.net

Đề số : 487

10). Giải phương trình $2\cos^2 x + 3\sin x - 3 = 0$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$, $x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi$, $x = \frac{7\pi}{6} + k2\pi$

B). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi$, $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$, $x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$, $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$, $x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$

D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$, $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$, $x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$

11). Giải phương trình $3(\text{tg}2x + \cot gx) = -\ 4\sin 2x$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

B). $x = k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$

D). $x = k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$

12). Giải phương trình $3(\sin x + \cos x) - \sin 2x = 3$.

A). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

B). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

C). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

D). $x = k2\pi,\ x = \pi + k2\pi$

13). Phương trình $\text{tg}x + \cot g2x = 3 - 2.\sin 2x$ tương đương với phương trình .

A). $\sin 2x = 1$ v $\sin 2x = -\frac{1}{2}$.

B). $\sin 2x = -1$ v $\sin 2x = \frac{1}{2}$.

C). $\sin 2x = -1$ v $\sin 2x = -\frac{1}{2}$.

D). $\sin 2x = 1$ v $\sin 2x = \frac{1}{2}$.

14). Giải phương trình $\sin x + \cos x = \frac{\sqrt{2}}{2}$.

A). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

B). $x = \frac{7\pi}{12} + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{12} + k2\pi$

C). $x = \frac{11\pi}{12} + k2\pi,\ x = -\frac{5\pi}{12} + k2\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$

15). Giải phương trình $\sin^4 x + \cos^4 x = 2\cos 2x - 1$.

A). $x = k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$ C). $x = k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$

16). Giải phương trình $1 + 2(\cos 2x.tgx - \sin 2x).\cos^2 x = \cos 2x$.

A). $x = k\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

C). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$ D). $x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

17). Giải phương trình $4\sin^3 x + 5\cos 2x + 2\sin x - 1 = 0$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{6} + k2\pi\ ,\ x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi\ ,\ x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi\ ,\ x = -\frac{5\pi}{6} + k2\pi$ C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{6} + k2\pi\ ,\ x = \frac{7\pi}{6} + k2\pi$ D). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi\ ,\ x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi\ ,\ x = \frac{7\pi}{6} + k2\pi$

18). Giải phương trình $\cot gx - 3tgx = \cot g^2 x - 3$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}, x = \pm\frac{\pi}{18} + \frac{k\pi}{2}$ B). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi, x = \pm\frac{\pi}{18} + k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi, x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}, x = \pm\frac{\pi}{6} + \frac{k\pi}{2}$

hoc360.net

Đề số : 487

19). Giải phương trình $2\sin^3x - \cos x.(2\sin^2x - 3) - 3\sin x.(\cos 2x + 1) + \cos 3x + 2\cos^3x = 0$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k\pi$

B). $x = \pm\frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$

C). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

D). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k\pi$

20). Tìm m để phương trình $\sin^2x - \sin x.\cos x + (2 - m)\cos^2x = 0$ có nghiệm $x \in \left[-\frac{\pi}{4}; \frac{\pi}{4}\right]$.

A). $m \geq \frac{7}{4}$

B). $\frac{7}{4} \leq m \leq 4$

C). $\frac{7}{4} \leq m \leq 2$

D). $m \geq 4$

21). Giải phương trình $\text{tg}x + \cot gx = \sin 2x - 1$.

A). $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

B). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$

C). $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$

D). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$

22). Giải phương trình $\sin^6 x + \cos^6 x - \frac{3}{8}\sin 4x = 1$.

A). $x = \frac{k\pi}{2}, x = -\frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}$.

B). $x = \frac{k\pi}{2}, x = -\frac{\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}$.

C). $x = \frac{k\pi}{2}, x = \frac{\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}$.

D). $x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}, x = -\frac{\pi}{8} + \frac{k\pi}{2}$.

23). Giải phương trình $\frac{\sqrt{3}}{\cos^2 x} = 3tgx + \sqrt{3}$.

A). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$

B). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$

D). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$

24). Tìm m để phương trình $3.\sin x + m\cos x = 1 - m$ có nghiệm.

A). $m \geq -4$.

B). $m \leq -4$

C). $m \leq 4$

D). $m \geq 4$

25). Giải phương trình $\frac{\sin^6 x+\cos^6 x-1}{\sin^4 x+\cos^4 x-1}=\frac{tg^2 x}{2}$

A). $x=\pm\frac{\pi}{3}+k\pi$ B). $x=\pm\frac{\pi}{6}+k2\pi$ C). $x=\pm\frac{\pi}{3}+k2\pi$ D). $x=\pm\frac{\pi}{6}+k\pi$

26). Tìm m để phương trình $\sin^2x - 6\sin x.\cos x + (1- m)\cos^2x = 0$ có nghiệm $x\in\left[\frac{\pi}{4};\frac{\pi}{2}\right)$

A). $m \geq - 4$ B). $m \geq - 8$ C). $- 8 \leq m \leq - 4$ D). $m \leq - 8$

27). Giải phương trình $tg^2x + tgx.cotg2x = 1$.

A). $x=-\frac{\pi}{4}+k\pi$ B). $x=\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}$ C). $x=\frac{\pi}{4}+k\pi$ D). $x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi$

28). Giải phương trình $\sin^6x + \cos^6x = 2 - \cos4x$.

A). $x=k\pi$ B). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$ C). $x=\frac{k\pi}{2}$ D). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi$

29). Giải phương trình $\cos2x + 3\cos x + 2 = 0$.

A). $x=\pi+k2\pi\ ,\ x=\pm\frac{\pi}{3}+k2\pi$ B). $x=\pi+k2\pi\ ,\ x=\pm\frac{\pi}{6}+k2\pi$

C). $x=\pi+k2\pi$ D). $x=\pi+k2\pi\ ,\ x=\pm\frac{2\pi}{3}+k2\pi$

30). Giải phương trình $tgx + \sin2x = - 2$.

A). $x=\frac{\pi}{4}+k\pi$ B). $x=-\frac{\pi}{4}+k\pi$ C). $x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi$ D). $x=\frac{\pi}{4}+k2\pi$

Đề số : 487

31). Giải phương trình $\cos^2 x + \sqrt{3}\sin 2x = 2 + \sin^2 x$.

A). $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{6} + k\pi$ C). $x = \frac{\pi}{6} + k\pi$ D). $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$

32). Giải phương trình cosx - sinx - 2sin2x = 1.

A). $x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi$ B). $x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

C). $x = \pi + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi$ D). $x = \pi + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{2} + k2\pi$

33). Giải phương trình $2\cos 2x.\cos x + 8\sin^2 x + 7\cos x - 9 = 0$.

A). $x = \pi + k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$ B). $x = \pi + k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$ D). $x = k2\pi,\ x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

34). Giải phương trình $\sin x = -\frac{\sqrt{2}}{2}$.

A). $x = \pm\frac{3\pi}{4} + k2\pi$ B). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi\ ,\ x = \frac{5\pi}{4} + k2\pi$

C). $x = \pm\frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi\ ,\ x = -\frac{5\pi}{4} + k2\pi$

35). Tìm m để phương trình $\sin^4 x + \cos^4 x - \cos 2x + \frac{1}{4}\sin^2 2x - m = 0$ có nghiệm.

A). $-1 \le m \le 2$ B). $0 \le m \le 8$ C). $0 \le m \le 2$ D). $-1 \le m \le 8$

36). Giải phương trình $(1-\sqrt{2})(\sin x + \cos x) + \sin 2x = \sqrt{2} - 1$.

A). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \pi + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi,\ x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \pi + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$

37). Giải phương trình $5(1 + \cos x) = 2 + \sin^4 x - \cos^4 x$.

A). $x = \pi + k2\pi$ B). $x = \pm\frac{2\pi}{3} + k2\pi$ C). $x = \pm\frac{\pi}{6} + k2\pi$ D). $x = \pm\frac{\pi}{3} + k2\pi$

38). Giải phương trình $2(\sin^4 x + \cos^4 x) = 2 + \sin 2x$.

A). $x = k\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{4} + k\pi$ B). $x = \frac{k\pi}{2}\ ,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

C). $x = \frac{k\pi}{2}\ ,\ x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ D). $x = k\pi\ ,\ x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$

39). Giải phương trình $\sqrt{3}\sin x + \cos x = \frac{1}{\cos x}$.

A). $x = k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{6} + k\pi$ B). $x = k\pi,\ x = -\frac{\pi}{3} + k\pi$

C). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k\pi$ D). $x = k\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi$

40). Giải phương trình $\frac{\sin 2x}{1 + \sin x} = -2\cos x$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi, x = -\frac{5\pi}{6} + k2\pi$ B). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi, x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi, x = -\frac{5\pi}{6} + k2\pi$

C). $x = \frac{\pi}{2} + k\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{2} + \frac{k2\pi}{3}$ D). $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi\ ,\ x = \frac{\pi}{2} + \frac{k2\pi}{3}$

Đề số : 487

41). Giải phương trình $\frac{\sin^4 2x+\cos^4 2x}{tg(\frac{\pi}{4}-x).tg(\frac{\pi}{4}+x)}=\cos^4 4x$.

A). $x=k2\pi$ B). $x=k\pi$ C). $x=\frac{k\pi}{4}$ D). $x=\frac{k\pi}{2}$

42). Giải phương trình $\cos^3x.\cos3x - \sin^3x.\sin3x = \cos4x$.

A). $x=k\pi$ B). $x=\frac{k\pi}{2}$ C). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi$ D). $x=\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}$

43). Tìm m để phương trình $\sin^2x + 4\sin x.\cos x + 2m.\cos^2x = 0$ có nghiệm.

A). $m \le 2$ B). $m \le 4$ C). $m \ge 4$ D). $m \ge 2$

44). Giải phương trình $\sin x = 1$.

A). $x=\frac{\pi}{2}+k2\pi$ B). $x=\frac{\pi}{2}+k\pi$ C). $x=\pi+k2\pi$ D). $x=k2\pi$

45). Tìm m để phương trình $(m + 2)\sin x - 2m\cos x = 2(m + 1)$ có nghiệm.

A). $m \le -4$ v $m \ge 0$ B). $m \le 0$ v $m \ge 4$. C). $-4 \le m \le 0$ D). $0 \le m \le 4$

46). Giải phương trình $\cos3x = \sin x$.

A). $x=\frac{\pi}{8}+k\pi$, $x=-\frac{\pi}{4}+\frac{k\pi}{2}$ B). $x=\frac{\pi}{8}+k2\pi$, $x=-\frac{\pi}{4}+k\pi$

C). $x=\frac{\pi}{8}+\frac{k\pi}{2}$, $x=-\frac{\pi}{4}+k\pi$ D). $x=\frac{\pi}{8}+k2\pi$, $x=-\frac{\pi}{4}+k2\pi$

47). Tìm m để phương trình $\sin x + \cos x + 2\sin x.\cos x - 1 = m$ có nghiệm.

A). $-\frac{9}{4} \le m \le -\sqrt{2}$ B). $-\frac{9}{4} \le m \le \sqrt{2}$ C). $-\sqrt{2} \le m \le \sqrt{2}$ D). $m \ge -\frac{9}{4}$

48). Giải phương trình $\sin x+\sqrt{3}\cos x+\sqrt{\sin x+\sqrt{3}\cos x}=2$.

A). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = -\frac{\pi}{6} + k2\pi$

B). $x = k2\pi,\ x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi$

C). $x = \pi + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{3} + k2\pi$

D). $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi,\ x = \frac{\pi}{6} + k2\pi$

49). Tìm m để phương trình 2(sinx - cosx) + sin2x + m - 1 = 0 có nghiệm.

A). $-1 \le m \le 2 - 2\sqrt{2}$ B). $2 - 2\sqrt{2} \le m \le 2 + 2\sqrt{2}$ C). $m \ge 2 + 2\sqrt{2}$ D). $-1 \le m \le 2 + 2\sqrt{2}$

50). Giải phương trình $\frac{1}{tgx + \cot g2x} = \frac{\sqrt{2}(\cos x + \sin x)}{\cot gx + 1}$.

A). $x = \frac{\pi}{4} + k2\pi$ B). $x = k\pi, x = \pm\frac{\pi}{4} + k\pi$ C). $x = \pm\frac{\pi}{4} + k2\pi$ D). $x = -\frac{\pi}{4} + k2\pi$

hoc360.net

ĐÁP ÁN

Đề kiểm tra : Phương trình LG lần 1

Khởi tạo đáp án đề số : 159

01. - / - -	11. - - = -	21. ; - - -	31. - - = -	41. - - = -
02. - - = -	12. - - = -	22. - - = -	32. ; - - -	42. - - = -
03. - - = -	13. - - = -	23. - / - -	33. - - - ~	43. - / - -
04. - - - ~	14. - / - -	24. - / - -	34. - / - -	44. - / - -
05. - / - -	15. - / - -	25. ; - - -	35. - / - -	45. - - = -
06. ; - - -	16. - - - ~	26. ; - - -	36. ; - - -	46. - / - -
07. - - = -	17. ; - - -	27. ; - - -	37. - - - ~	47. - - = -
08. - - = -	18. - - - ~	28. - - - ~	38. ; - - -	48. - / - -

hoc360.net

09. ; - - - 19. - - - ~ 29. - / - - 39. - - - ~ 49. - - - ~

10. ; - - - 20. - / - - 30. ; - - - 40. - - - ~ 50. - / - -

Khởi tạo đáp án đề số : 289

01. - - = - 11. ; - - - 21. ; - - - 31. - - = - 41. - - = -

02. - - = - 12. - / - - 22. - / - - 32. - - - ~ 42. ; - - -

03. - - = - 13. - / - - 23. - - = - 33. - - = - 43. ; - - -

04. - - = - 14. - / - - 24. - / - - 34. ; - - - 44. ; - - -

05. - - = - 15. - - - ~ 25. - - - ~ 35. - / - - 45. - - = -

06. - / - - 16. - - - ~ 26. - - - ~ 36. - - - ~ 46. - / - -

07. ; - - -	17. - - = -	27. ; - - -	37. ; - - -	47. - - = -
08. ; - - -	18. ; - - -	28. - - = -	38. - - = -	48. - / - -
09. ; - - -	19. ; - - -	29. - - - ~	39. - - = -	49. ; - - -
10. - / - -	20. - - - ~	30. - / - -	40. - / - -	50. - / - -

hoc360.net

Khởi tạo đáp án đề số : 367

01. - - - ~	11. ; - - -	21. ; - - -	31. - - - ~	41. - - = -
02. - / - -	12. ; - - -	22. - / - -	32. ; - - -	42. - - - ~
03. ; - - -	13. - - = -	23. ; - - -	33. - - - ~	43. ; - - -
04. - - - ~	14. - - = -	24. - - = -	34. - - - ~	44. ; - - -
05. - - = -	15. - - - ~	25. - - - ~	35. - / - -	45. - / - -
06. ; - - -	16. - / - -	26. - - = -	36. ; - - -	46. ; - - -
07. - - = -	17. ; - - -	27. - - = -	37. ; - - -	47. - / - -
08. - / - -	18. - / - -	28. - - = -	38. ; - - -	48. - - - ~
09. - - = -	19. ; - - -	29. - - - ~	39. ; - - -	49. - - = -
10. ; - - -	20. - / - -	30. ; - - -	40. - - - ~	50. - / - -

Khởi tạo đáp án đề số : 487

01. - / - -	11. - - = -	21. ; - - -	31. - - = -	41. - - - ~
02. - - = -	12. ; - - -	22. - / - -	32. ; - - -	42. - / - -
03. - / - -	13. - - - ~	23. - / - -	33. - - - ~	43. ; - - -
04. ; - - -	14. - / - -	24. ; - - -	34. - / - -	44. ; - - -
05. - / - -	15. - - = -	25. ; - - -	35. - - = -	45. - / - -
06. ; - - -	16. - / - -	26. - / - -	36. ; - - -	46. - - = -
07. - - = -	17. - / - -	27. - / - -	37. - / - -	47. - / - -
08. - - = -	18. - - = -	28. - - = -	38. - / - -	48. ; - - -
09. ; - - -	19. ; - - -	29. - - - ~	39. - - - ~	49. - - - ~

hoc360.net

10. - - = - 20. - / - - 30. - / - - 40. ; - - - 50. ; - - -

hoc360.net